

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 190/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 9 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Võ H**, sinh năm 1985.

Căn cước số: 048085004178 do Bộ công an cấp ngày 21/3/2025.

Nơi cư trú: Tổ 80 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Tổ 80 phường S, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1992.

Căn cước công dân số: 048192000107 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/3/2021.

Nơi cư trú: K12/6 đường L, Tổ 40 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là K12/6 đường L, Tổ 40 phường S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ H và bà Trần Thị N xây dựng gia đình với nhau năm 2022, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là phường S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường phát sinh cãi vã, nói năng không tôn trọng nhau, có lúc đánh đập nhau, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Do mâu

thuần xảy ra nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Nay ông Võ H và bà Trần Thị N xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Võ H và bà Trần Thị N xác định có 01 con chung là Võ Thành N, sinh ngày: 13/8/2022. Ly hôn ông Võ H và bà Trần Thị N thống nhất thoả thuận giao con chung cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Võ H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 10/2025 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ H và bà Trần Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Võ H và bà Trần Thị N xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Võ H và bà Trần Thị N mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00002221 ngày 04/9/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ H và bà Trần Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 25/02/2022, tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là phường S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Võ H và bà Trần Thị N việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Võ Thành N, sinh ngày: 13/8/2022 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Võ H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 10/2025 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Võ H và bà Trần Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Võ H và bà Trần Thị N xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Võ H và bà Trần Thị N mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00002221 ngày 04/9/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường S., thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết